

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 52 /2017/HSST
Ngày: 04-8-2017

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Tuyết
2. Ông Nguyễn Văn Gọc

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: ông Lưu Văn Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/HSST ngày 28 tháng 3 năm 2017 đối với bị cáo:

1. **Phạm Xuân C**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ 3, KP Suối Đá, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước; Chứng minh nhân dân số: 285464845; Nghề Nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Con ông Phạm Xuân Đ, sinh năm: 1952 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1955; Có vợ là Bùi Thị Phương V, sinh năm: 1985; Có 01 con là Phạm Thị Khả H, sinh năm 2013; gia đình có 06 anh em, bị cáo là Con thứ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/4/2016 đến nay. (Có mặt).

2. *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Xuân C:* Luật sư Nguyễn Thị Mỹ A - Văn phòng luật sư H, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. (Có mặt).

3. *Người bị hại:*

3.1 Bà Phạm Thị H; Sinh năm 1978 (Có mặt).

3.2 Ông Mai Quang H1, sinh năm 1963 (Có mặt).

Cùng trú tại: Tổ 1, khu phố T, phường T, TX. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Đại diện hợp pháp của ông Mai Quang H1: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1978

Cư trú tại: Tổ 1, khu phố Thanh Bình, phường Tân Bình, TX. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

3.3 Bà Nguyễn Ngọc D; Sinh năm 1975 (Có mặt).

Cư trú tại: Khu phố X, phường T, Thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Bùi Thị Phương V; Sinh năm 1986; Cư trú tại: Tổ 1, khu phố T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

5. *Người làm chứng:* Chị Phạm Thị T; Sinh năm 1985; Cư trú tại: Ấp 3, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2011, Bị cáo Phạm Xuân C quen biết với vợ chồng chị Phạm Thị H anh Mai Quang H1 và chị Nguyễn Ngọc D cùng trú tại: Phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian này C nhiều lần vay tiền của vợ chồng chị H anh H1 và chị D cho khách hàng vay lại đáo hạn ngân hàng để hưởng lãi suất chênh lệch, sau khi đáo hạn ngân hàng xong, C trả lại tiền gốc và tiền lãi đầy đủ cho chị H và chị D.

Ngày 06/12/2013, C vay của chị H số tiền 300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng cho khách, có viết giấy tay, thời hạn trả nợ là 01 tháng và thỏa thuận miệng lãi suất 4.000 đồng/1.000.000đ/ngày. Sau khi vay được tiền, C cho người tên Hiền (không xác định họ, địa chỉ) ở xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước vay lại để đáo hạn ngân hàng với hình thức viết giấy tay, thời hạn vay 07 - 08 ngày, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ 01 ngày. Sau khi đáo hạn xong, Hiền trả lại số tiền gốc và tiền lãi đầy đủ, C xé bỏ giấy nợ. Do thời gian này C mở quán nhậu “Chân M” nên thiếu vốn, C vay của người bạn tên Hùng (Chưa rõ nhân thân lai lịch) ở thành phố Hồ Chí Minh số tiền 400.000.000đ và trong khoảng 03 tháng đầu mở quán quán làm ăn thua lỗ nên C không thể thanh toán tiền cho nhân viên. Do vậy, C lấy số tiền vay của chị H trả cho nhân viên 270.000.000 đồng còn lại 30.000.000 đồng tiêu xài cá nhân, đến hạn trả nợ chị H gọi điện thoại, C nói cho nợ thêm 01 tháng để giải quyết công việc, chị H đồng ý. Ngày 28/01/2014 C tiếp tục vay của chị D số tiền 650.000.000đ, ngày 30/01/2014 C vay tiếp 30.000.000đ, có viết giấy tay, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 4.000 đồng /1.000.000đ/ngày, sau đó C cho người phụ nữ tên Na (không rõ họ, địa chỉ) nhà ở huyện B, tỉnh Bình Phước vay lại để đáo hạn ngân hàng (hình thức và thời gian, tiền lãi như C cho người tên Hiền vay) và đã trả tiền gốc, tiền lãi đầy đủ cho C, đến ngày 21/03/2014 C tiếp tục vay thêm của chị D 50.000.000đ, tổng cộng 730.000.000đ. Khi đã vay được số tiền của chị D là 730.000.000đ và số tiền của vợ chồng chị H anh H1 300.000.000đ mà C đã trả nợ tiền cho nhân viên và tiêu xài cá nhân, C nảy sinh ý định chiếm đoạt toàn bộ số tiền vay này. Từ ý định đó, C đã sử dụng số tiền 730.000.000đ vay của D trả cho người

tên Hùng 400.000.000đ, trả cho vật liệu xây dựng “Hoa Còi”, vật liệu xây dựng “Anh Chương” và vật liệu xây dựng “Anh Sương” tổng số tiền 80.000.000đ, còn lại số tiền 250.000.000đ C sử dụng hết vào việc đánh bạc tại Vương Quốc Campuchia.

Do quá hạn trả nợ, vợ chồng chị H anh H1 và chị D nhiều lần gọi điện thoại đòi nợ, nhưng C trốn tránh, đến khoảng tháng 6/2014 C bỏ trốn khỏi địa phương, đến thành phố Hồ Chí Minh sống lang thang và tắt máy điện thoại nhằm mục đích trốn nợ. Sau khi C bỏ trốn, ngày 15/7/2014 vợ chồng chị H anh H1 làm đơn tố giác, ngày 18/3/2016 chị D làm đơn tố giác Hành vi phạm tội của C.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhân toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố. Bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương nơi cư trú do không còn khả năng trả nợ, bị cáo bỏ trốn để nhằm chiếm đoạt tiền, bị cáo thay đổi số điện thoại và không liên lạc gì với người thân trong gia đình. Ngoài ra, bị cáo khai thêm trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo có tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho những người bị hại.

Tại phiên tòa, người bị hại là vợ chồng anh H1, chị H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án phù hợp. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc vợ bị cáo là chị Bùi Thị Phương V phải liên đới cùng bị cáo bồi thường số tiền 300.000.000 đồng.

Người bị hại, chị D đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ và buộc bị cáo bồi thường số tiền 730.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 11/CTr – VKS ngày 24/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Phạm Xuân C về tội “Lạm dụng tín nhiệm, chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố trình bày bản luận tội và tranh luận: Hành vi của bị cáo sau khi vay tiền của người bị hại, bị cáo đầu tư vào quán nhậu và qua Campuchia đánh bạc khi không còn khả năng trả nợ thì bị cáo đã bỏ trốn để nhằm chiếm đoạt số tiền trên. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Xuân C về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật hình sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình khắc phục 20.000.000 đồng cho những người bị hại, gia đình bị cáo có công với cách mạng.

Tại phiên tòa vợ chồng anh H1, chị H đề nghị hội đồng xét xử xem xét đưa vợ của bị cáo là chị Bùi Thị Phương V cùng liên đới bồi thường cho bị hại. Xét yêu cầu này không phù hợp với tài liệu chứng cứ thể hiện việc bị cáo vay tiền thì chị V không biết nên không có cơ sở xem xét.

Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo từ 08 đến 10 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho vợ chồng chị H anh H1 số tiền 290.000.000 đồng. Bồi thường cho chị D số tiền 720.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Luật sư Nguyễn Thị Mỹ A bào chữa cho bị cáo: Về nội dung vụ án thống nhất với bản cáo trạng của Viện kiểm sát về tội danh. Tuy nhiên về hình phạt đề nghị hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường và khắc phục một phần hậu quả cho những người bị hại; Cha bị cáo ông Phạm Xuân Đ là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án từ 05 đến 07 năm tù.

Lời nói sau cùng: bị cáo rất ăn năn hối cải bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm trở về làm ăn để trả nợ cho bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được xét hỏi tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của cáo, Kiểm sát viên, Luật sư và những người tham gia tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Xuân C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Từ ngày 06/12/2013 đến 21/3/2014 bị cáo đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng chị Phạm Thị H, anh Mai Quang H1 và chị Nguyễn Ngọc D nhằm mục đích cho người khác vay lại để hưởng tiền lời chênh lệch. Sau khi những người vay trả tiền gốc và lãi suất cho bị cáo thì bị cáo không trả cho vợ chồng chị H, anh H1 và chị D mà sử dụng số tiền trên vào việc trả tiền cho nhân viên hết 270.000.000 đồng, trả cho một người tên Hùng 400.000.000 đồng, trả tiền cho các cửa hàng vật liệu xây dựng 80.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết 30.000.000 đồng và dùng vào việc đánh bạc tại Campuchia hết 250.000.000 đồng. Sau khi sử dụng và tiêu xài hết số tiền nêu trên, đến tháng 6/2014 bị cáo bỏ trốn lên TP. Hồ Chí Minh nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền này của vợ chồng chị H, anh H1 và chị D. Hành vi nêu trên của bị cáo C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điều 140 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Do số tiền bị cáo chiếm đoạt là 1.030.000.000 đồng nên

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên” theo điểm a, khoản 4 Điều 140 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực Hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Khi thực hiện Hành vi phạm tội bị cáo hoàn toàn nhận thức được rằng sau khi vay được tiền của những người bị hại và sử dụng hết thì bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, thay đổi số điện thoại và thường xuyên thay đổi chỗ ở để trốn tránh việc trả nợ nhằm chiếm đoạt số tiền 1.030.000.000 đồng của những người bị hại là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, vì vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong thời gian chuẩn bị xét xử đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả; Cha bị cáo ông Phạm Xuân Đ là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả, cụ thể: Đã nộp 20.000.000 đồng tại Cục thi hành dân sự tỉnh Bình Phước tại biên lai thu tiền số 0005155 và biên lai số 0005156 ngày 06/6/2017 đối với số tiền còn lại 1.010.000.000 đồng buộc bị cáo cùng với vợ của bị cáo liên đới bồi thường cho những người bị hại khác bởi lẽ căn cứ vào lời khai của bị cáo và các chứng cứ có tại hồ sơ thì việc bị cáo vay tiền của những người bị hại là để đáo hạn ngân hàng và đầu tư vào quán nhậu “Chân Mây” để có nguồn thu nhập nuôi sống gia đình. Căn cứ vào quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là nhu cầu thiết yếu của gia đình nên vợ bị cáo có nghĩa vụ cùng bị cáo bồi thường cho những người bị hại.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án 08 đến 10 năm tù là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm bào chữa của Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 05 đến 07 năm tù là nhẹ, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí hình sự và dân sự sơ thẩm bị cáo Phạm Xuân C phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

[2] *Về hình phạt:* Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999. Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Phạm Xuân C** 10 (Mười) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 04/4/2016.

[3] *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Phạm Xuân C và vợ là chị Bùi Thị Phương V phải liên đới bồi thường cho bị hại vợ chồng anh Mai Quang H1, chị Phạm Thị H số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng), bồi thường cho chị Nguyễn Ngọc D số tiền 720.000.000 đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng). Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị H anh H1 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0005756 ngày 06/6/2017. Trả cho chị Nguyễn Ngọc D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo biên lai số 0005155 ngày 06/6/2017.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự’’

[4] *Về án phí*: Bị cáo Phạm Xuân C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 42.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC - VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THA tỉnh Bình Phước;
- CSĐT, phòng HSCA tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Minh Thịnh